

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:78/2018/DS-PT

Ngày 21/6/2018

*V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Nguyệt**
- *Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Hữu Mừng**
Ông **Bùi Hữu Nhân**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghi, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Anh - kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLPT-DS ngày 02/4/2018, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐ-PT ngày 07/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mừng Lý M, sinh năm 1967
Địa chỉ: số 150 xóm 3, thôn Nam Hiệp 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 28, tổ 20 thôn Phi Nôm, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Viết C, sinh năm 1975
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975
Cùng địa chỉ: số 195 thôn Krănggo2, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Bà L ủy quyền cho ông Nguyễn Viết C (*văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị Linh N, sinh năm 1981
Địa chỉ: 196 thôn Krănggo2, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Nguyễn Viết C.

(*Ông P, ông C, bà N có mặt tại phiên tòa, bà M, bà L vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2016 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P trình bày:

Ngày 07/10/2014 bà M cho bị đơn vay 300.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Ngày 12/02/2015 bị đơn trả cho bà M 200.000.000 đồng. Còn nợ 100.000.000 đồng bà đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả. Khi bị đơn vay tiền của bà M có bà Nguyễn Thị Linh N (em ruột của ông C) viết giúp bị đơn giấy vay tiền ghi ngày 07/10/2014. Bà N ghi xong, đọc cho bà M nghe và bà M giao cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, ông C là người trả nợ gốc 200.000.000 đồng cho bà M ngày 12/02/2015. Số nợ còn lại 100.000.000 đồng, ông C hẹn 01 tháng sau sẽ trả hết. Tiền lãi thỏa thuận miệng 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Như vậy, tiền lãi 01 tháng của số tiền vay 300.000.000 đồng là 9.000.000 đồng. Cho đến khi ông C trả 200.000.000 đồng tiền lãi 04 tháng là 36.000.000 đồng nhưng bà M chỉ mới nhận của ông C, bà L 15.000.000 đồng. Nay bà M yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi cho bà theo lãi suất 0,75%/tháng tương đương với lãi suất vay Ngân hàng. Lãi của số tiền vay 300.000.000 đồng đến thời điểm trả 200.000.000 đồng vào ngày 12/02/2015 là 04 tháng = 9.000.000 đồng. Lãi của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 12/02/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm làm tròn 35 tháng theo mức lãi suất 0,75%/tháng = 26.250.000 đồng. Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho bà M là 35.250.000 đồng. Do bị đơn trả cho bà M 15.000.000 đồng nên nay bà M yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 35.250.000 đồng - 15.000.000 đồng = 20.250.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi bà M yêu cầu bị đơn phải trả là 120.250.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Viết C trình bày: Ông bà không đồng ý trả cho bà M 120.250.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi như bà M yêu cầu vì ông bà không vay của bà M 300.000.000 đồng. Số tiền vay trên là do bà Nguyễn Thị Linh N (em ruột của ông C) viết giấy vay của bà M chiều tối ngày 07/10/2014. Khi đó, ông bà đi làm về thì bà M nhờ ông bà sang nhà bà N để ký giấy làm chứng việc bà N vay tiền của bà M, khi ông bà đến, giấy vay tiền đã viết xong. Khi ký giấy vay tiền do tin tưởng bà M và bà N nên ông bà không đọc mà ký vào giấy vay tiền rồi về. Chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy nhận nợ là của ông bà. Ngày 12/02/2015 do bà N phải chăm sóc con bị ốm nên đã đưa 215.000.000 đồng (gồm cả tiền lãi 15.000.000 đồng và nợ gốc 200.000.000 đồng) nhờ ông bà trả cho bà M. Bà M có ghi giấy cho ông bà và ông bà đã nộp cho Tòa án. Quá trình vay tiền, viết giấy vay tiền và giao nhận tiền vay giữa các bên có ông Ứng Cẩm Phìn và bà Nguyễn Thị Trâm làm chứng. Ông bà cho rằng bà N mới là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà M. Cho đến nay, ông bà không cung cấp thêm được chứng cứ gì khác để chứng minh ông bà không vay tiền của bà M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Linh N trình bày:

Bà là người vay của bà M 300.000.000 đồng ngày 07/10/2014. Nội dung giấy vay tiền ngày 07/10/2014 do bà M đọc cho bà ghi. Bà đồng ý ghi như vậy thì bà M mới cho bà vay tiền. Bà trực tiếp nhận số tiền 300.000.000 đồng của bà M tại nhà ông Ứng Cẩm Phìn (Tuấn) ngày 08/10/2014 có ông Phìn (em ruột bà M) và bà Trâm (vợ ông Phìn) chứng kiến. Ngày 12/02/2015 do con bị ốm nên bà nhờ ông C trả cho bà M 215.000.000 đồng trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng còn lại và tiền lãi phát sinh cho bà M. Bà không có chứng cứ chứng minh việc bà là người vay tiền bà M.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mừng Lý M khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Mừng Lý M số tiền 120.250.000 đồng (trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 20.250.000 đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/01/2018 ông C kháng cáo không đồng ý trả cho bà M số tiền 120.250.000 đồng và cho rằng trách nhiệm trả nợ là của bà Linh N.

Tại phiên tòa hôm nay: ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông C, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp:* Xuất phát từ việc ngày 07/10/2014, bà M cho bị đơn vay 300.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Ngày 12/02/2015 bị đơn đã trả cho bà M 200.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng, ông C hẹn 1 tháng sau sẽ trả. Do ông C không thực hiện đúng cam kết nên bà M khởi kiện yêu cầu ông C trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng và 20.250.000 đồng tiền lãi. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, đối chiếu các tài liệu chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện.

Theo giấy vay nợ ngày 7/10/2014 thể hiện vợ chồng ông C, bà L vay của bà M số tiền 300.000.000 đồng là có thật (BL34). Ngày 12/02/2015 ông C đã trả cho bà M 200.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi (BL14). Số nợ còn lại là 100.000.000 đồng tiền gốc. Ông C, bà L thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ là của ông, bà nhưng cho rằng ông, bà không nhận số tiền 300.000.000 đồng mà số tiền này là vợ chồng ông vay giùm cho bà N (em ruột ông C), bà N cho rằng bà là người vay tiền của bà M và còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh nhưng do hoàn cảnh khó khăn, con bị đau ốm bệnh tật nên xin được trả dần cho bà M. Tuy nhiên, trong giấy nhận nợ không có nội dung nào thể hiện ông C, bà L vay giùm tiền cho bà Linh N và phía nguyên đơn vẫn yêu cầu buộc bị đơn trả nợ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Việt C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mừng Lý M khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Việt C, bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn ông Nguyễn Việt C, bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Mừng Lý M số tiền 120.250.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.250.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Việt C và bà Nguyễn Thị L phải chịu 6.012.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004884 ngày 16/3/2018. Ông C, bà L còn phải nộp 6.012.500 đồng án phí.

Hoàn trả cho bà Mừng Lý M 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003444 ngày 15/3/2017 và 450.000 đồng theo biên lai thu số 0003691 ngày 25/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Mừng Bùi Hữu Nhân

Vũ Thị Nguyệt

